

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: FUTURE
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): JC765 FUTURE FI (C)
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 0038/VAQ06-01/20-00
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3285/NETC-M/19/C ngày: 06/01/2020

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 105 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 255 kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HONDA JC90E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 124,9 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,83 kW/ 7500 vòng/phút
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/ phun nhiên liệu/ khác
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/Tự động
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 1:2,500; 2:1,550; 3:1,150; 4:0,923
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,571
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-17M/C áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 70/90-17M/C áp suất lốp: 280 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 95 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: Revised WMTTC Stage 2 (TCVN 9726:2013)
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,54 (l/100 km)



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50x70 (mm)

NHÃN NĂNG LƯỢNG

X,X

Lit/100km

SỐ BCTN:

NHÃN HIỆU:

SỐ LOẠI:

NHÀ SẢN XUẤT:

.....

DUNG TÍCH XÝ LẠNH:

QUY CHUẨN ÁP DỤNG:

CHU TRÌNH THỬ:

Ghi chú: mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe

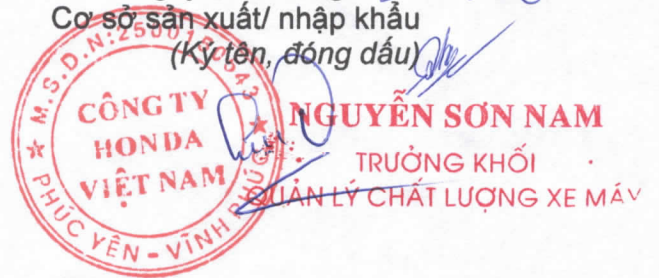
5. Ghi chú (nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

....., ngày 30 tháng 03 năm 2020

Cơ sở sản xuất/ nhập khẩu

(Ký tên, đóng dấu)



Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm